

CÔNG TY TNHH GREEN WOOD HT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GREEN WOOD HT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN WOOD HT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110676538

3. Ngày thành lập: 05/04/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4, Tòa nhà N01-T4 Phú Mỹ Complex, Khu Ngoại Giao Đoàn, Đường Hoàng Minh Thảo, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979379797

Fax:

Email: thanhhuuyendo81@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa; - Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu (ô dù, lều xép, nhà bạt di động)	4649
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ bán buôn máy móc, thiết bị y tế)	4659
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

Thời gian đăng từ ngày 06/04/2024 đến ngày 06/05/2024

13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ bán buôn hóa chất)	4669
14.	Khai thác gỗ	0220
15.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
16.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
17.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
18.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
19.	Khai thác và thu gom than non (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0520
20.	Khai thác quặng sắt (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0710
21.	Khai thác quặng uranium và quặng thorium (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0721
22.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động báo chí)	9000
23.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
26.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn: tư vấn pháp luật, tư vấn chứng khoán và không bao gồm hoạt động của công ty luật, văn phòng luật sư);	7020
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Giám sát công tác xây dựng bao gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình	7110

28.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Loại trừ các hoạt động thuộc danh mục ngành nghề cấm kinh doanh)	7120
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
30.	Bán buôn tổng hợp (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản, các mặt hàng thuộc danh mục hàng hóa cấm kinh doanh)	4690(Chính)
31.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4719
32.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
33.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0722
34.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (trừ loại nhà nước cấm) (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0730
35.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0810
36.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0891
37.	Khai thác và thu gom than bùn (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0892
38.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ các khoáng sản thuộc danh mục cấm khai thác và chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0899
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0910
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	0990

41.	Sản xuất sợi	1311
42.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
43.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
47.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
48.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
49.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
50.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
51.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
52.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
53.	Sản xuất giày, dép	1520
54.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
55.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
57.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
58.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
59.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
60.	In ấn (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1811
61.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ các loại Nhà nước cấm)	1812
62.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
63.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
64.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
65.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
66.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
67.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
68.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
69.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
70.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
71.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
72.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
73.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
74.	Đúc sắt, thép	2431

75.	Đúc kim loại màu	2432
76.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
77.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
78.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
79.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
80.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4791
81.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4799
82.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật)	5510
83.	Cơ sở lưu trú khác	5590
84.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
85.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
86.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ Internet - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Dịch vụ thư điện tử - Đại lý dịch vụ viễn thông	6190
87.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ trung tâm dịch vụ việc làm) Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810

88.	Cung ứng lao động tạm thời (Chỉ hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	7820
89.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
90.	Đại lý du lịch	7911
91.	Điều hành tua du lịch	7912
92.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Không bao gồm tổ chức họp báo)	7990
93.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8020
94.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
95.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
96.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
97.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
98.	Thoát nước và xử lý nước thải (Không hoạt động tại trụ sở)	3700
99.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
100.	Thu gom rác thải độc hại	3812
101.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
102.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
103.	Tái chế phế liệu	3830
104.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
105.	Xây dựng nhà để ở	4101
106.	Xây dựng nhà không để ở	4102
107.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
108.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
109.	Xây dựng công trình điện	4221
110.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
111.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
112.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
113.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
114.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
115.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4311

116.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
117.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
118.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
119.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
120.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
121.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
122.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
123.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ dược liệu, nguyên liệu làm thuốc. - Bán lẻ thuốc chữa bệnh	4772
124.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. (Loại trừ hoạt động đấu giá tài sản)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.300.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ THỊ THANH HUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 05/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033181000198

Ngày cấp: 24/06/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ký túc xá Thăng Long, Số 66, Đường Cốm Vòng, Tổ 15, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ký túc xá Thăng Long, Số 66, Đường Cốm Vòng, Tổ 15, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 06/04/2024 đến ngày 06/05/2024

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐỖ THỊ THANH HUYỀN**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *05/08/1981*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *033181000198*

Ngày cấp: *24/06/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Ký túc xá Thăng Long, Số 66, Đường Cốm Vòng, Tổ 15, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Ký túc xá Thăng Long, Số 66, Đường Cốm Vòng, Tổ 15, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**